

Số: /QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 5 năm 2019*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2019**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ;

Trên cơ sở Công văn số 321/TTg-KTTH ngày 01/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2011-2014 của tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1524/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt mức chi phụ cấp kiêm nhiệm cho Hội đồng quản lý Quỹ, ban Kiểm soát Quỹ và chi thu nhập tăng thêm đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt các nội dung, sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng năm 2011-2014;

Căn cứ Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 17/1/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh mức điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng từ lưu vực có mức chi trả cao sang lưu vực có mức chi trả thấp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2377/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án hợp nhất các ban quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh thành Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Trên cơ sở Công văn số 174/VNFF-BĐH ngày 23/11/2018 của Quỹ

Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam về việc thông báo số tiền dịch vụ môi trường rừng dự kiến điều phối cho năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1115/SNNPTNT ngày 06/5/2019 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1076/STC- HCSN ngày 26/04/2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2019 như sau:

### **I. Một số quy định cụ thể:**

1. Số đơn vị phải thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi: 16 đơn vị, trong đó:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thủy điện Thiên Tân (Nhà máy thủy điện Hà Nang);

- Công ty Cổ phần Thủy Điện Nước Trong (Nhà máy thủy điện Nước Trong);

- Công ty Cổ phần HP (Nhà máy thủy điện Sông Riêng);

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng thủy điện Cà Đú (Nhà máy thủy điện Cà Đú);

- Công ty Cổ phần thủy điện Huy Măng (Nhà máy thủy điện Huy Măng);

- Nhà máy thủy điện Sơn Tây;

- Công ty Cổ phần thủy điện Đakđrinh (Nhà máy thủy điện Đakđrinh);

- Công ty Cổ phần thủy điện Định Bình (Nhà máy thủy điện Định Bình);

- Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn (Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5);

- Công ty Cổ phần thủy điện Văn Phong (Nhà máy thủy điện Văn Phong);

- Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi (Nhà máy thủy điện Sơn Trà I);

- Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích thuộc Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi;

- Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi;

- Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất;

- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;

- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

2. Các chủ rừng được hưởng tiền DVMTR

- Chủ rừng là tổ chức: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (có diện tích cung ứng DVMTR tại các huyện Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Tây

Trà, Ba To) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ba Tô;

- Các chủ rừng là hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư thôn: Giao cho Hạt Kiểm lâm các huyện: Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng và Sơn Hà hỗ trợ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chi trả tiền DVMTR;

- Chủ rừng là UBND các xã: Sơn Long, Sơn Lập thuộc huyện Sơn Tây.

3. Mức hỗ trợ chi phí quản lý cho các Hạt Kiểm lâm cấp huyện là đầu mỗi chi trả cho hộ gia đình cá nhân và cộng đồng dân cư thôn: Mức hỗ trợ tối đa là 5%/ tổng chi phí quản lý được để lại từ nguồn thu DVMTR của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (*tổng chi phí quản lý được để lại từ nguồn thu DVMTR của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh được xem là 100%*).

4. Mức thu của các đối tượng sử dụng DVMTR

- Đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy điện: 36 đồng/kwh điện thương phẩm;

- Đối với các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 52 đồng/m<sup>3</sup> nước thương phẩm;

5. Số lần chi trả tiền cho chủ rừng trong năm: 02 lần

- Lần 1:

+ Thời gian chi trả: Trước ngày 01/6/2019;

+ Mức chi trả: Chi trả số tiền còn lại của năm 2018 khi có kết quả xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2018.

- Lần 2:

+ Thời gian chi trả: Trước ngày 31/12/2019;

+ Mức chi trả: Chi trả tối đa 70% số tiền DVMTR thu trong năm 2019 (*Số tiền còn lại chuyển nguồn sang năm 2020 sau khi có kết quả xác định diện tích rừng được chi trả DVMTR của năm 2019*);

- Riêng đối với chủ rừng là Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được chi trả 1 lần/năm sau khi có kết quả nghiệm thu diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng trong năm (*lý do: có nhiều diện tích rừng nhỏ lẻ sau khi nghiệm thu bị mất rừng hoặc giảm diện tích rừng, không thể thu hồi được số tiền đã chi lần I (70%)*).

6. Xác định số tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả trong năm:

- Trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, căn cứ số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu năm trước và kết quả xác định diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh xác định số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm trước để chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng;

- Trước ngày 15 tháng 4 hằng năm, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thông báo cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo Mẫu số 10, Mẫu số 11 Phụ lục VI ban hành kèm theo

Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

7. Xác định kinh phí quản lý trong năm:

- Tiền thực thu trong năm tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019; bao gồm tiền ủy thác DVMTR; lãi tiền gửi, lãi trả chậm từ nguồn thu ủy thác DVMTR và các nguồn thu hợp pháp khác theo qui định của pháp luật;

- Kinh phí quản lý được trích 10% tổng số tiền thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ, nội dung chi theo qui định hiện hành;

- Kinh phí quản lý là nguồn thu của Quỹ tỉnh, được thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kinh phí quản lý trong năm chưa thực hiện hết sẽ được chuyển sang năm kế tiếp sử dụng cho hoạt động của Quỹ tỉnh.

**II. Phần thu: 18.842.986.460 đồng**

**1. Kế hoạch thu năm 2019: 8.000.000.000 đồng; trong đó:**

- Thu điều phối từ Quỹ BV và PTR Việt Nam: 2.280.500.000 đồng

+ Thu từ cơ sở sản xuất thủy điện: 2.267.500.000 đồng

+ Thu từ cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 13.000.000 đồng

- **Thu nội tỉnh: 5.719.500.000 đồng**

+ Thu từ cơ sở sản xuất thủy điện: 5.074.000.000 đồng

+ Thu từ cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 645.500.000 đồng

**2. Nguồn thu từ các năm trước chuyển sang: 10.842.986.460 đồng**

- Nguồn còn phải chi trả cho chủ rừng: 3.538.631.072 đồng

+ Số tiền còn lại của năm 2018 chi cho chủ rừng: 1.676.347.500 đồng

+ Tiền dịch vụ môi trường rừng đã thực hiện điều tiết còn lại của năm 2018: 813.247.085 đồng

+ Tiền dịch vụ môi trường rừng thu từ các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch: 1.049.036.487 đồng

- Nguồn dự phòng: 351.373.482 đồng

- Nguồn thu DVMTR năm 2011-2014: 6.551.417.246 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương: 365.184.729 đồng

- Nguồn kinh phí trích lập các Quỹ: 36.379.931 đồng

**III. Phần chi: 11.963.105.124 đồng; trong đó:**

**1. Chi hoạt động của Quỹ Bảo vệ và PT rừng tỉnh: 836.379.931 đồng**

- Nguồn CPQL 10% trong năm 2019: 800.000.000 đồng

- Nguồn trích lập các quỹ các năm trước chuyển sang: 36.379.931 đồng

**2. Trích dự phòng: 0 đồng**

**3. Chi trả cho bên cung ứng DVMTR: 8.626.598.269 đồng**

a) Đối với diện tích cung ứng DVMTR năm 2018 (*chi trả tiền DVMTR còn lại năm 2018 chuyển sang sau khi có kết quả nghiệm thu diện tích rừng cung ứng DVMTR*): 1.676.347.500 đồng

b) Chi tiền DVMTR thu từ các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch năm 2017-2018: 1.049.036.487 đồng (*chi tiết nội dung chi theo phương án được duyệt*).

c) Đối với diện tích cung ứng DVMTR năm 2019: 5.901.214.282 đồng  
- Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng thu từ các nhà máy thủy điện năm 2019: 5.549.840.800 đồng

- Chi tiền dự phòng các năm trước chuyển sang: 351.373.482 đồng (*chi tiết nội dung chi theo phương án được duyệt*).

**4. Chi từ nguồn DVMTR năm 2011-2014: 2.500.126.924 đồng**

- Chi thực hiện đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện ĐắkBa: 308.547.334 đồng

- Chi thực hiện đề án chi trả dịch vụ môi trường rừng lưu vực thủy điện Sông Liên: 419.266.000 đồng

- Chi trả tiền xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng và mua tài sản phục vụ công tác bảo vệ rừng: 441.863.214 đồng

- Chi một số hạng mục (*hỗ trợ công tác bảo vệ rừng; tuyên truyền phổ biến chính sách nâng cao năng lực thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng...*): 1.330.450.376 đồng (*chi tiết hạng mục chi theo phương án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm tra của Sở Tài chính*).

**IV. Chuyển nguồn sang năm 2020: 6.879.881.336 đồng**

- Nguồn chi cho chủ rừng: 2.463.406.285 đồng

+ Số tiền dịch vụ môi trường rừng còn lại từ nguồn thu các nhà máy thủy điện năm 2019: 1.057.509.200 đồng

+ Số tiền dịch vụ môi trường rừng thu từ các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch năm 2019: 592.650.000 đồng

+ Nguồn dịch vụ môi trường rừng còn lại sau khi thực hiện điều tiết trong năm 2018: 813.247.085 đồng

- Nguồn DVMTR năm 2011-2014: 4.051.290.322 đồng

- Nguồn cải cách tiền lương: 365.184.729 đồng

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

a) Căn cứ Kế hoạch thu, chi năm 2019 được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ thu, chi, mua sắm tài sản theo đúng định mức, tiêu chuẩn và đúng quy định; đồng thời thực hiện theo

quy định của Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017 và chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

b) Giao Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về số liệu của kế hoạch thu, chi dịch vụ môi trường rừng năm 2019 trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NN), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak297.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tăng Bính**